

**TOÀ PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **181/2026/HC- PT**

Ngày: 29/5/2026

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phùng Anh Dũng**.

Các thẩm phán: Ông **Đặng Kim Nhân**;

Ông **Trần Đức Kiên**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lương Quang Toàn** - Thư ký Toà phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Đinh Văn Chánh** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Toà phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 299/2025/TLPT-HC ngày 08 tháng 12 năm 2025 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 33/2025/HC-ST ngày 07 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 932/2026/QĐ-PT ngày 12 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Võ Tấn H, sinh năm: 1970. Địa chỉ: Thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi (Nay là thôn A, xã N, tỉnh Quảng Ngãi). Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Vũ Hồng A, sinh năm 1963. Địa chỉ: Số C ngõ B Đ, phường Đ, quận B, thành phố Hà Nội (Nay là số C ngõ B Đ, phường B, thành phố Hà Nội). Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Người bị kiện:

2.1. Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Ngãi (cũ).

Người đại diện theo pháp luật: Chủ tịch UBND huyện T.

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Cao Thanh T – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã N. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Chủ tịch UBND xã N. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Cao Thanh T – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã N. Vắng mặt.

3.2. Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện T, tỉnh Quảng Ngãi (Nay là *Trung tâm Phát triển quỹ đất* chi nhánh K1, tỉnh Quảng Ngãi).

Người đại diện theo pháp luật: Giám đốc Trung tâm P6 chi nhánh K1, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn D – Phó Giám đốc Trung tâm P6 chi nhánh K1 và ông Nguyễn Tấn D1 – Chuyên viên Trung tâm Phát triển quỹ đất chi nhánh K1. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.3. Bà Võ Thị T1, sinh năm: 1938 (chết).

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Võ Thị T1: Bà Võ Thị P, sinh năm 1960; bà Võ Thị P1, sinh năm 1962; bà Võ Thị P2, sinh năm 1964; ông Võ Văn P3, sinh năm 1968; ông Võ Tấn H, sinh năm 1970; ông Võ Tấn C, sinh năm 1972.

3.4. Bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm: 1974. Vắng mặt

3.5. Bà Ngô Thị Kim M, sinh năm: 1974. Vắng mặt

3.6. Ông Võ Văn P3, sinh năm: 1968. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.7. Ông Võ Tấn C, sinh năm: 1972. Vắng mặt

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi (Nay là thôn A, xã N, tỉnh Quảng Ngãi).

3.8. Bà Võ Thị P, sinh năm: 1960. Địa chỉ: Hẻm C đường M, phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (Nay là hẻm C đường M, phường N, tỉnh Quảng Ngãi). Vắng mặt

3.9. Bà Võ Thị P1, sinh năm: 1962. Địa chỉ: Số E Cách mạng tháng H, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (Nay là số 52 Cách mạng tháng 8, phường C, tỉnh Quảng Ngãi). Vắng mặt

3.10. Bà Võ Thị P2, sinh năm: 1964. Địa chỉ: Số B H, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (Nay là số B H, phường N, tỉnh Quảng Ngãi). Vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền của bà N, bà M, ông C, bà P, bà P1 và bà P2: Ông Vũ Hồng A, sinh năm 1963. Địa chỉ: Số C ngõ B Đ, phường Đ, quận B, thành phố Hà Nội (Nay là số C ngõ B Đ, phường B, thành phố Hà Nội). Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và đơn trình bày ý kiến của ông Võ Tấn H trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền ông Vũ Hồng A trình bày:***

Ngày 06/9/2022, Ủy ban nhân dân huyện T ra Thông báo số 1250/TB-UBND về việc thu hồi đất của bà Nguyễn Thị M1 để thực hiện dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi - H thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025; Địa điểm xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

Ngày 14/6/2023, Trung tâm Phát triển quỹ đất thuộc Ủy ban nhân dân huyện T gửi Bảng tổng hợp giá trị dự kiến bồi thường, hỗ trợ (đợt 5) cho ông Võ Tấn Huỳnh. Ông đã xem và đối chiếu với các giấy tờ liên quan và thực tế, ông đã gửi ý kiến kiến nghị về đất và vật kiến trúc trong tháng 7/2023 đến các cơ quan chuyên môn phụ trách đền bù của huyện T và xã N. Đến nay các kiến nghị về xác minh lại nguồn gốc đất, vật kiến trúc trên đất và cây cối chưa được cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

Ngày 01/12/2023, ông H lại nhận được Giấy mời về việc kết thúc niêm yết công khai Phương án dự kiến bồi thường, hỗ trợ (đợt 8) và tái định cư (đợt 4), kèm theo là Bảng tổng hợp giá trị dự kiến bồi thường, hỗ trợ (đợt 8) và tái định cư (đợt 4) trong khi các yêu cầu trước đó (đã gửi cho các cấp 170 ngày) vẫn chưa được giải quyết.

Ngày 14/12/2023, ông tiếp tục có Đơn kiến nghị gửi cho Chủ tịch UBND huyện T. Tuy nhiên, tất cả các đơn kiến nghị mà ông gửi chưa nhận được câu trả lời bằng văn bản từ phía UBND huyện T.

Ngày 15/12/2023, Chủ tịch UBND huyện T ra Quyết định số: 9172/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của hộ bà Nguyễn Thị M1 để thực hiện Tiểu dự án bồi

thường, hỗ trợ, tái định cư dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi - H, đoạn qua tỉnh Quảng Ngãi thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021- 2025. Địa điểm: xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi (sau đây gọi tắt là Quyết định số 9172);

Ngày 22/12/2023, Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số: 9458/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 về việc bồi thường, hỗ trợ (đợt 8) và tái định cư (đợt 4) chi tiết cho bà Nguyễn Thị M1 để thực hiện Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi - H, đoạn qua tỉnh Quảng Ngãi thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025; xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi (sau đây gọi tắt là Quyết định số 9458).

Sau khi các kiến nghị trước không được chính quyền giải quyết, ngày 18/01/2024 ông có gửi đơn khiếu nại đến UBND huyện T. Nhưng mãi đến ngày 31/5/2024 (135 ngày), UBND huyện T mới có Quyết định số: 3063/QĐ-UBND ngày 31/5/2024 về việc giải quyết khiếu nại của ông Võ Tân H (sau đây gọi tắt là Quyết định số 3063). Trong thời gian chờ giải quyết khiếu nại, ngày 27/02/2024 Ủy ban nhân dân huyện T lại ra Quyết định số: 949/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với bà Nguyễn Thị M1. Sau đó lại ban hành Quyết định số: 3054/QĐ-UBND về việc thời gian gia hạn thời gian cưỡng chế thu hồi đất đối với bà Nguyễn Thị M1, đúng vào ngày ban hành Quyết định số: 3063 ngày 31/5/2024.

Thay vì giải quyết những kiến nghị chính đáng của ông, Chủ tịch UBND huyện T lại liên tiếp ban hành các Quyết định số: 9172 về việc thu hồi đất; Quyết định số: 9458 về việc bồi thường, hỗ trợ (đợt 8) và tái định cư (đợt 4) Quyết định số: 1943 về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung (đợt 9) và Quyết định số: 3054/QĐ-UBND ngày 31/5/2024 về việc điều chỉnh thời gian cưỡng chế, thu hồi đất. Các quyết định này trái với pháp luật ở những điểm sau đây:

Về nội dung 03 Quyết định trên và Bảng tổng hợp áp giá dự kiến bồi thường, tái định cư kèm theo:

Thứ nhất, Điều 1 Quyết định số 9172 quy định thu hồi 2.563,1m² đất của bà Nguyễn Thị M1 là thửa đất số 17, tờ bản đồ địa chính số 17, trong đó có 200m² đất ở, 2.363,1m² đất BHK là không đúng với nguồn gốc đất do ông sử dụng (về nguồn gốc đất như ông đã nói ở khoản 1 nêu trên).

Căn cứ vào các quy định: Điểm e, g Điều 100, Điều 103 Luật Đất đai năm 2013; Khoản 1, 2 Điều 18 của Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều, khoản của Luật Đất đai; Điều 6, khoản 2 Điều 7 của Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 09/8/2019 của UBND tỉnh Q chỉ ban hành Quy định về hạn mức giao đất để xây dựng nhà ở; hạn mức công nhận diện tích đất ở và xác định diện tích đất ở để tính bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước

thu hồi đất và khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi: Đối với trường hợp thửa đất ở có vườn, ao được hình thành trước ngày 18/12/1980 và người đang sử dụng có một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 100 của Luật Đất đai thì diện tích đất ở được xác định theo giấy tờ đó.

Diện tích đất ông đang sử dụng là 3.753,4m² thỏa mãn các điều Luật, Nghị định và Quyết định nêu trên nên yêu cầu phải được xác định là đất ở khi tính phương án bồi thường và cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho diện tích còn lại sau khi bị thu hồi.

Thứ hai, Quyết định số 9458 tính chi phí bồi thường không đúng quy định của pháp luật hiện hành ở các điểm sau đây:

Đầu tiên, căn cứ Khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai 2013 quy định: *“Việc bồi thường được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do UBND cấp tỉnh quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi đất”*. Do đó, việc căn cứ theo Quyết định số 213/QĐ-UBND ngày 29/3/2023 của UBND tỉnh Q về việc thống nhất hệ số điều chỉnh giá đất xác định giá đất cụ thể tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện các công trình, dự án trên địa bàn tỉnh (sau đây gọi tắt Quyết định số 213) là không đúng với thời điểm quyết định thu hồi đất.

Bên cạnh đó, ngày 16/6/2022, tại Hội nghị lần thứ 5 BCH TW Đảng Khóa 13 đã ban hành Nghị quyết số 18 về đất đai (sau đây ghi tắt là Nghị quyết số 18). Nội dung Nghị quyết yêu cầu bỏ Khung giá đất, Bảng giá đất, thực hiện bồi thường về đất đai theo cơ chế thị trường trong trường hợp Nhà nước thu hồi đất. Thực hiện Nghị quyết số 18, ngày 06/5/2023 Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 73/NQ-CP về việc ủy quyền quyết định giá đất cụ thể (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 73). Tại khoản 1 và khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 73 quy định:

“UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện ủy quyền cho UBND cấp huyện:

- 1. Quyết định giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất; thu tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư;*
- 2. Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định giá đất, ...UBND cấp huyện trong việc tổ chức xác định giá đất.”*

Tại Điều 3 Nghị quyết số 73 quy định: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và thực hiện đến khi Luật Đất đai (sửa đổi) được Quốc hội thông qua thay thế Luật Đất đai năm 2013 có hiệu lực thi hành.

Thực hiện Nghị quyết số 73 của Chính phủ; ngày 15/11/2023, Chủ tịch UBND tỉnh Q ban hành Quyết định số 1252/QĐ-UBND về việc ủy quyền quyết định giá đất cụ thể, quyết định thành lập Hội đồng thẩm định giá đất. Theo Quyết định này, UBND tỉnh Q ủy quyền cho UBND các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Quảng Ngãi quyết định giá tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất.

Từ đó đến nay, UBND huyện T đã không tổ chức thành lập Hội đồng thẩm định giá đất để tư vấn cho UBND huyện quyết định giá đất cụ thể để bồi thường cho phần diện tích đất của ông cũng như của các hộ khác bị thu hồi phục vụ cho dự án Đường C - N, đoạn Quảng Ngãi - H là trái với đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Ngoài ra, tại khoản 1 Điều 1 Quyết định số 9458 thể hiện việc áp giá bồi thường số diện tích đất ở không đúng với thực tế ông đang sử dụng và nguồn gốc đất ông sử dụng. Như đã trình bày ở trên, số diện tích đất ở ông đang sử dụng là 3.753,4m² (theo nguồn gốc đất trước Cách mạng tháng 8/1945) chứ không phải là 200m² đất ở và 3.553,4m² đất BHK như trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp vào ngày 17/4/2018 (trong đó diện tích bị thu hồi là: 2.563,1m²).

Mặt khác, tại khoản 1 Điều 1 Quyết định số 9458 chưa tính chi phí san lấp mặt bằng mảnh đất ông đang sử dụng theo quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 3 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; điểm 36 mục G, Quyết định số CT 46/2022/QĐ-UBND ngày 02/12/2022 của UBND tỉnh Q quy định về đơn giá bồi thường về nhà ở, vật kiến trúc khi Nhà nước thu hồi đất.

Thứ 3, Quyết định số 3063 giải quyết không đúng theo quy định của cấp có thẩm quyền ở các điểm sau đây:

Thời gian UBND huyện Tư Nghĩa giải quyết đơn khiếu nại của ông quá chậm trễ (đơn khiếu nại gửi ngày 18/01/2024 nhưng đến ngày 31/5/2024 mới có quyết định giải quyết (hơn 4 tháng) làm ảnh hưởng rất lớn đến quyền lợi của gia đình ông.

Tại khoản 4 mục II của Quyết định số 3063 về kết quả xác minh khiếu nại có viết: *“Riêng, người khiếu nại cung cấp giấy tờ của TRUNG KỲ CHÍNH PHỦ là BẢN TRÍCH LỤC-ĐỊA BỘ do Sở Địa chính tỉnh Q giao cho ông Võ L năm 1937 (cha chồng của bà Nguyễn Thị M1 là người sử dụng đất lúc đó). Đối chiếu với quy định tại Điều 15 Thông tư 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ T2 quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43, 44 ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì không thuộc Giấy tờ để xem xét xác định diện tích đất ở để bồi thường”*; và tại khoản 1 mục IV phần kết luận của Quyết định số 3063 có viết *“Giấy tờ BẢN TRÍCH LỤC-ĐỊA BỘ của chế độ cũ (thời Pháp-Trung kỳ Chính phủ) không thuộc loại giấy tờ quy định tại Điều 15 Thông tư 02/2015/TT- BTNMT*

ngày 27/01/2015 của Bộ T2 quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43, 44 ngày 15/5/2014 của Chính phủ” là hoàn toàn không đúng thực tế và sai quy định, thiếu trách nhiệm với công dân. Lý do:

- Việc xác định “*người khiếu nại cung cấp giấy tờ của TRUNG KỲ CHÍNH PHỦ là BẢN TRÍCH LỤC-ĐỊA BỘ do Sở Địa chính tỉnh Q giao cho ông Võ L năm 1937 (cha chồng của bà Nguyễn Thị M1 là người sử dụng đất lúc đó)*” đã nêu trong Quyết định số 3063 là hoàn toàn không chính xác. Bản trích lục địa bộ này do Ty Điền Đ cấp cho ông Võ L chứ không phải “*Sở Địa chính Quảng Ngãi giao cho ông Võ L*” (đây là giấy tờ về quyền sở hữu đất được gia đình ông lưu giữ từ năm 1937 đến ngày nay). Trích lục địa bộ có nội dung thể hiện rõ việc cơ quan có thẩm quyền thuộc chế độ cũ cấp cho người sử dụng đất hợp pháp, có vị trí, ranh giới, diện tích cụ thể và hình thể tương ứng với “*tờ trích lục bản đồ thửa đất số 3111*” đã được Trung tâm C1 (thời điểm chưa sáp nhập) cung cấp cho gia đình ông.

- Trong quá trình xác minh, kết luận giải quyết khiếu nại nội dung xác định giấy tờ về quyền sử dụng đất do cơ quan có thẩm quyền thuộc chế độ cũ cấp cho ông bà của ông, UBND huyện T không xem xét, đề cập đến “*tờ trích lục bản đồ thửa đất số 3111, tờ bản đồ số 4, thôn A, xã N (nay là xã N), huyện T, tỉnh Quảng Ngãi (năm 1935)*” trên đó có ký hiệu là đất ở (tờ trích lục bản đồ này được trích từ Bộ bản đồ đất đai thời Pháp hiện bảo quản và lưu trữ tại Trung tâm C1 thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q) đã được gửi kèm theo đơn khiếu nại ngày 18/01/2024.

- Tại khoản 7 Điều 15 Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ T2 quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43, 44 ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định: “*Các loại giấy tờ khác chứng minh việc tạo lập nhà ở, đất ở nay được UBND cấp tỉnh nơi có đất ở công nhận*”. Tuy nhiên, tính đến thời điểm hiện nay UBND tỉnh Q vẫn chưa ban hành văn bản quy định cụ thể về nội dung này nên UBND huyện T không thể tự xác định những loại giấy tờ chế độ cũ cấp cho ông bà của ông “*không thuộc Giấy tờ để xem xét xác định diện tích đất ở để bồi thường*” và đây không phải lỗi của người dân.

- Qua tham khảo Quyết định số 17/2015/QĐ-UBND ngày 24/7/2015 của UBND tỉnh B về việc công nhận các loại giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền thuộc chế độ cũ cấp cho người sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Bình Định thì tại khoản a Điều 1 của Quyết định này có công nhận “*Bản trích lục địa bộ*” là một trong những loại giấy tờ có cơ sở pháp lý để xem xét diện tích đất ở để bồi thường cho công dân. Đồng thời, qua tham khảo Quyết định giám đốc thẩm số 24/2020/HC-GĐT ngày 06/11/2020 của Tòa án nhân dân Tối cao về việc khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai thì “*trích lục địa bộ*” của chính quyền cũ vẫn được chấp thuận làm cơ sở để xác định quyền sử dụng đất.

Ngày 10/11/1980, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 299/TTg về công tác đo đạc, phân hạng và đăng ký ruộng đất trong cả nước. Để triển khai thực hiện Chỉ thị số 299/TTg, T3 đã ban hành Quyết định số 56-ĐKTK ngày 05/11/1981 quy định về thủ tục đăng ký thống kê ruộng đất trong cả nước.

Theo các quy định nêu trên, người sử dụng ruộng đất trong cả nước phải thực hiện kê khai đăng ký thống kê ruộng đất tại chính quyền cấp xã theo một quy trình chặt chẽ, thống nhất. Đồng thời, toàn bộ các hồ sơ, giấy tờ có liên quan phải lưu trữ tại UBND cấp xã và UBND cấp huyện (bộ phận quản lý ruộng đất) theo quy định tại Mục II khoản 8 của quy định về thủ tục đăng ký thống kê ruộng đất trong cả nước ban hành kèm theo Quyết định số 56/ĐKTK.

Trong quá trình tra tìm hồ sơ, tài liệu có liên quan đến việc cha ông là ông Võ Ngọc A1 kê khai ruộng đất theo Chỉ thị số 299/TTg tại UBND xã N gia đình ông đã thu thập được một số thông tin sau:

- Khoảng năm 1983, cha ông là ông Võ Ngọc A1 (chồng bà Nguyễn Thị M1, con trai ông Võ L) đã đi kê khai thửa đất thuộc sở hữu của gia đình theo quy định của cơ quan có thẩm quyền. Theo đó, tổng diện tích đất 4.400m² mà gia đình chúng ông sở hữu được đăng ký là đất thổ cư (ký hiệu chữ T) và được ghi là thửa số 317, tờ bản đồ số 3, trang số 14 của “Sổ mục kê” (sổ mục kê là một trong các thành phần tài liệu thuộc hồ sơ đăng ký ruộng đất xã được quy định tại điểm e khoản 6 Mục II và khoản 8 Mục II của quy định về thủ tục đăng ký thống kê ruộng đất trong cả nước ban hành kèm theo Quyết định số 56/ĐKTK) do ông Bùi Q - nguyên Chủ tịch UBND xã N ký ngày 19/5/1987. Điều này có nghĩa là nếu cá nhân chủ sử dụng đất không kê khai thì thửa đất đó mặc nhiên do Nhà nước quản lý và có kế hoạch phân phối sử dụng như đất công. Vì vậy, trong sổ mục kê có tên cha ông là ông Võ Ngọc A1 kê khai, sổ mục kê (mẫu 06) được lập dựa trên Phiếu thửa mà Hội đồng đăng ký đất đai phát cho người dân khi người dân có Đơn xin đăng ký quyền sử dụng ruộng đất và từ phiếu thửa đã chỉnh lý vào sổ tổng hợp (mẫu số 08) theo quy định trong QĐ 56/ĐKTK ngày 5-11-1989. Điều này thỏa mãn quy định tại Mục b, c điểm 2 Điều 18 của Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014.

- Ông Võ Văn P3 (anh của ông Võ Tấn H) đã làm đơn xin xác nhận biến động đất đai ngày 28/4/2025 gửi UBND xã N (có đơn xin xác nhận biến động đất đai gửi kèm). Sau khi tiếp nhận đơn, ngày 29/4/2025, bà Bùi Thị Lưu L1 - Phó Chủ tịch UBND xã N đã xác nhận các nội dung sau: “Thửa đất số 17 tờ bản đồ số 17 xã N (bản đồ VLAP 2010) có nguồn gốc thuộc thửa đất số 317, tờ bản đồ số 8, diện tích 4.400m² thuộc bản đồ đo vẽ thực hiện Chỉ thị số 299/TTg ngày 10/11/1980 của Thủ tướng Chính phủ”.

- Qua đối chiếu thửa đất số 3111 tại tờ trích lục bản đồ; thửa đất số 3111 tại Bản trích lục - địa bộ; thửa đất số 317, tờ bản đồ số 8 thuộc bản đồ đo vẽ thực hiện Chỉ thị số 299/TTg và thửa đất số 17 tờ bản đồ số 17 xã N (bản đồ VLAP 2010) là hoàn toàn giống nhau về hình thể và trên bản đồ đo vẽ thực hiện Chỉ thị số 299/TTg ngày 10/11/1980 của Thủ tướng Chính phủ được thể hiện là đất thổ cư.

Về tăng, giảm diện tích của thửa đất nêu trên: Diện tích thửa đất theo Trích lục địa bộ là 9 sào 1 thước ($4.533,3m^2$). Trong quá trình sử dụng từ năm 1980 đến nay, do nhu cầu cá nhân, ba ông là ông Võ Ngọc A1 có chuyển nhượng cho các ông: Nguyễn Thái L2, Phạm Ngọc N1 và ông Võ Tấn K một phần diện tích và được tách ra thành các thửa 40, 41 và 70 trên tờ bản đồ số 17 xã N (bản đồ VLAP 2010). Cho nên, diện tích còn lại của thửa số 17, tờ bản đồ số 17 xã N (bản đồ VLAP 2010) là $3.753,4m^2$.

Tất cả các loại hồ sơ nêu trên thỏa mãn các quy định: Điểm g Điều 100 Luật Đất đai năm 2013; Khoản 1,2 Điều 18 của Nghị định 43/2014/ NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều, khoản của Luật Đất đai; Điều 6, khoản 2 Điều 7 của Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 09/8/2019 của UBND tỉnh Q đều được Ủy ban nhân dân huyện V. Để xác minh nguồn gốc đất cho ông, đề nghị Tòa án yêu cầu UBND huyện và UBND xã phải cung cấp đầy đủ các loại hồ sơ đã nêu trong khoản 6, 8 của QĐ 56-ĐKKK ngày 5/11/1981.

Mặt khác, theo Công văn 766/CĐKDLTTĐĐ ngày 12/6/2024 của Cục Đ2 và dữ liệu thông tin đất đai thuộc Bộ T2 về việc giải đáp vướng mắc về pháp luật đất đai gửi Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Q. Tại Mục 2. Quy định của pháp luật liên quan đến giấy tờ về quyền sử dụng đất đã khẳng định: *“Việc địa phương chưa hoàn thiện đầy đủ hồ sơ địa chính theo Chỉ thị số 299-TTg và văn bản hướng dẫn thi hành là do lỗi của cơ quan Nhà nước mà không phải do lỗi của người sử dụng đất”*. Việc UBND huyện và UBND xã không cung cấp hồ sơ đăng ký theo Chỉ thị 299/TTg của Thủ tướng Chính phủ là vi phạm pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền lợi, tài sản của người dân.

Gia đình ông Võ Tấn H đã kê khai theo Chỉ thị 299/TTg năm 1980 của Thủ tướng Chính phủ. Chính vì thế, đến năm 2009, chính quyền mới cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu cho cha ông là ông Võ Ngọc A1. Giấy chứng nhận công nhận quyền sử dụng đất số 63432 ngày 23/12/1999, mục đích sử dụng là đất để ở (ký hiệu chữ T), được thể hiện rõ tại sơ đồ thửa đất ở trang 3 của giấy chứng nhận với diện tích là $3.850m^2$. Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 63432 ngày 23/12/1999 là minh chứng gia đình ông đã tuân thủ việc kê khai theo Chỉ thị 299 năm 1980 của Thủ tướng Chính phủ và đã có tên trong Bản đồ địa chính và Sổ địa chính.

Việc Nhà nước thu hồi đất để làm dự án đường cao tốc là phục vụ cho nhu cầu phát triển chung của đất nước, xã hội; do đó ông không có ý kiến gì đối với việc thu hồi đất ở trên và sẵn sàng giải toả khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện việc thu hồi. Tuy nhiên, việc Chủ tịch UBND huyện T áp dụng không đúng các quy định của pháp luật về xác định đất ở và chính sách về bồi thường thiệt hại do đất bị thu hồi đã ảnh hưởng đến quyền lợi chính đáng của gia đình ông. Do đó, ông Võ Tấn H yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi giải quyết vấn đề sau:

- Hủy Quyết định số 9172/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 của UBND huyện T về việc thu hồi đất của bà Nguyễn Thị M1 (chết), ông Võ Văn P3, ông Võ Tấn H, ông Võ Tấn C kê khai để thực hiện Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi - H, đoạn qua tỉnh Quảng Ngãi thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025.

- Hủy Quyết định số 9458/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND huyện T về việc bồi thường, hỗ trợ (đợt 8) và tái định cư (đợt 4) chi tiết cho bà Nguyễn Thị M1 (chết), ông Võ Văn P3, ông Võ Tấn H, ông Võ Tấn C và bà Võ Thị T1 để thực hiện Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi - H, đoạn qua tỉnh Quảng Ngãi thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025.

- Hủy Quyết định số 949/QĐ-UBND ngày 27/02/2024 của Chủ tịch UBND huyện T về việc cưỡng chế thu hồi đất cho bà Nguyễn Thị M1 (chết), ông Võ Văn P3, ông Võ Tấn H, ông Võ Tấn C để thực hiện Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi - H, đoạn qua tỉnh Quảng Ngãi thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025.

- Hủy Quyết định số 3054/QĐ-UBND ngày 31/5/2024 của Chủ tịch UBND huyện T về việc điều chỉnh thời gian quyết định cưỡng chế thu hồi đất của bà Nguyễn Thị M1 (chết), ông Võ Văn P3, ông Võ Tấn H, ông Võ Tấn C tại Quyết định số 949/QĐ-UBND ngày 27/02/2024 của Chủ tịch UBND huyện T.

- Hủy Quyết định số 3063/QĐ-UBND ngày 31/5/2024 của Chủ tịch UBND huyện T về việc giải quyết khiếu nại của ông Võ Tấn Huỳnh .

*** *Tại Công văn số 3873/UBND ngày 22/12/2024 của Ủy ban nhân dân huyện T, trong quá trình giải quyết vụ án người bị kiện trình bày:***

Thông tin Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và diện tích đất thu hồi để thực hiện dự án:

Bà Nguyễn Thị M1 (chết), sử dụng thửa đất số 17, tờ bản đồ số 17, xã N, diện tích 3.753,4m²; mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn 200,0m²; Đất trồng

cây hàng năm khác 3.553,4m², được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 17/4/2018. Ngày 15/12/2023, UBND huyện T ban hành Quyết định số 9172/QĐ-UBND thu hồi 2.563,1m²; loại đất thu hồi: 200,0m² đất ONT và 2.363,1m² đất BHK tại thửa đất trên để thực hiện Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi - H, đoạn qua tỉnh Quảng Ngãi thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025.

Công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:

Về bồi thường, hỗ trợ:

Ngày 22/12/2023, Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 9458/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ (đợt 8) và tái định cư (đợt 4) chi tiết cho bà Nguyễn Thị M1 (chết), ông Võ Văn P3, ông Võ Tấn H, ông Võ Tấn C, bà Võ Thị T1 kê khai, với tổng số tiền 6.000.637.830 đồng, gồm:

- Bồi thường đất ở nông thôn (ONT): 400.000.000 đồng.
- Bồi thường đất nông nghiệp: 99.250.200 đồng.
- Hỗ trợ bằng 50% giá đất ở: 2.363.100.000 đồng.
- Bồi thường, hỗ trợ nhà, vật kiến trúc, công trình phục vụ đời sống, sản xuất, công trình khác và mồ mả: 3.066.012.341 đồng.
- Bồi thường cây trồng: 44.687.720 đồng.
- Các khoản hỗ trợ: 27.857.569 đồng.

Phân tái định cư:

Thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 20 Quyết định số 75/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh Q. UBND huyện T bố trí 01 lô đất tái định cư có ký hiệu TDC3: 11, diện tích 299,8m² tại Khu tái định cư A, xã N.

Về giá đất cụ thể tính thu tiền sử dụng đất: Thực hiện theo Quyết định số 1277/QĐ-UBND ngày 21/11/2023 của UBND tỉnh Q: Lô đất có ký hiệu TDC3: 11, diện tích 299,8m², mức giá 400.000 đồng/m², gồm:

- Tiền sử dụng đất tại nơi tái định cư người dân phải nộp 119.920.000 đồng (299,8m² x 400.000 đồng).
- Phần dự án hỗ trợ: 994.600 đồng (gồm: Lệ phí trước bạ 599.600 đồng và tiền lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 395.000 đồng).

Qua kiểm tra, rà soát toàn bộ hồ sơ cho thấy việc thu hồi đất để thực hiện dự án và tính toán áp giá bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất, bố trí đất tái định cư đối với trường hợp của bà Nguyễn Thị M1 (chết), ông Võ Văn P3, ông Võ Tấn H, ông Võ Tấn C, bà Võ Thị T1 kê khai là phù hợp với quy định hiện

hành. Việc công dân yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh hủy Quyết định số 9172/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 của UBND huyện T về việc thu hồi đất và hủy Quyết định số 9458/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND huyện T về việc bồi thường, hỗ trợ (đợt 8) và tái định cư (đợt 4) chỉ tiết cho bà Nguyễn Thị M1 (chết), ông Võ Tấn P4, ông Võ Tấn H, ông Võ Tấn C và bà Võ Thị T1 kê khai để thực hiện Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi - H, đoạn qua tỉnh Quảng Ngãi thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025. Nội dung này kính đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh xem xét giải quyết theo quy định.

Đối với việc yêu cầu hủy Quyết định số 949/QĐ-UBND ngày 27/02/2024 của Chủ tịch UBND huyện T về việc cưỡng chế thu hồi đất và hủy Quyết định số 3054/QĐ-UBND ngày 31/5/2024 của Chủ tịch UBND huyện T về việc điều chỉnh thời gian cưỡng chế thu hồi đất đối với bà Nguyễn Thị M1 (chết), ông Võ Văn P3, ông Võ Tấn H, ông Võ Tấn C kê khai:

Trên cơ sở báo cáo của UBND xã N tại Báo cáo số 34/BC-UBND ngày 29/01/2024 và đề nghị của Trung tâm Phát triển quỹ đất tại Tờ trình số 63/TTr-TTPTQĐ ngày 29/01/2024 về việc áp dụng biện pháp cưỡng chế thu hồi đất với bà Nguyễn Thị M1 (chết), ông Võ Văn P3, ông Võ Tấn H, ông Võ Tấn C kê khai để thực hiện công trình Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi - H, đoạn qua tỉnh Quảng Ngãi thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025.

Ngày 27/02/2024, Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số 949/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với bà Nguyễn Thị M1 (chết), ông Võ Văn P3, ông Võ Tấn H, ông Võ Tấn C kê khai để thực hiện Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi - H, đoạn qua tỉnh Quảng Ngãi thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025, đoạn qua xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

Ngày 29/02/2024, Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số 976/QĐ-UBND về việc thành lập Ban thực hiện cưỡng chế Quyết định thu hồi đất đối với bà Nguyễn Thị M1 (chết), ông Võ Văn P3, ông Võ Tấn H, ông Võ Tấn C kê khai, ở xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

Ngày 06/3/2024, đồng chí Huỳnh Ngọc Q1, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng Ban cưỡng chế thu hồi đất chủ trì buổi đối thoại với bà Nguyễn Thị M1 (chết), ông Võ Văn P3, ông Võ Tấn H, ông Võ Tấn C tại UBND xã N.

Ngày 07/3/2024, Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số: 1098/QĐ-UBND về việc phê duyệt Phương án cưỡng chế thực hiện Quyết định thu hồi đất đã có hiệu lực pháp luật đối với bà Nguyễn Thị M1 (chết), ông Võ Văn

P3, ông Võ Tấn H, ông Võ Tấn C kê khai, địa chỉ: Thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

Ngày 08/4/2024, Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số 1932/QĐ-UBND về việc điều chỉnh thành phần Ban thực hiện cưỡng chế thu hồi đất tại Quyết định số 976/QĐ-UBND ngày 29/02/2024 của Chủ tịch UBND huyện T.

Ngày 09/4/2024, Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số 1997/QĐ-UBND về việc điều chỉnh thời gian thực hiện cưỡng chế thu hồi đất tại Quyết định số 1098/QĐ-UBND ngày 07/3/2024 của Chủ tịch UBND huyện T.

Ngày 04/6/2024, Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số 3127/QĐ-UBND về việc bổ sung nội dung Phương án thực hiện cưỡng chế thu hồi đất đối với bà Nguyễn Thị M1 (chết), ông Võ Văn P3, ông Võ Tấn H, ông Võ Tấn C kê khai; địa chỉ: Thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi tại Quyết định số 3109/QĐ-UBND ngày 03/6/2024 của Chủ tịch UBND huyện T.

Ngày 05/6/2024, Ban thực hiện cưỡng chế thu hồi đất huyện T ban hành Thông báo số 02/TB-BTHCC thông báo thời gian, địa điểm tổ chức thực hiện cưỡng chế thu hồi đất đối với đối với bà Nguyễn Thị M1 (chết), ông Võ Văn P3, ông Võ Tấn H, ông Võ Tấn C kê khai; địa chỉ: Thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

Qua kiểm tra, rà soát toàn bộ hồ sơ cho thấy: Trình tự thủ tục lập hồ sơ cưỡng chế thu hồi đất đối với trường hợp bà Nguyễn Thị M1 (chết), ông Võ Văn P3, ông Võ Tấn H, ông Võ Tấn C kê khai là phù hợp với quy định. Về nội dung công dân yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 949/QĐ-UBND ngày 27/02/2024 của Chủ tịch UBND huyện T về việc cưỡng chế thu hồi đất và hủy Quyết định số 3054/QĐ-UBND ngày 31/5/2024 của Chủ tịch UBND huyện T về việc điều chỉnh thời gian cưỡng chế thu hồi đất đối với trường hợp bà Nguyễn Thị M1 (chết), ông Võ Văn P3, ông Võ Tấn H, ông Võ Tấn C kê khai, kính đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xem xét giải quyết theo quy định.

Đối với việc yêu cầu hủy Quyết định số 3063/QĐ-UBND ngày 31/5/2024 của Chủ tịch UBND huyện T về việc giải quyết khiếu nại của ông Võ Tấn H:

Ngày 12/3/2024, UBND huyện T nhận được đơn khiếu nại đề ngày 18/01/2024 của ông Võ Tấn H (đại diện cho hộ bà Nguyễn Thị M1); địa chỉ: Thôn A, xã N, huyện T. Nội dung:

Khiếu nại Quyết định số 9172/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 của UBND huyện T về việc thu hồi đất của bà Nguyễn Thị M1 (chết), ông Võ Văn P3, ông Võ Tấn H, ông Võ Tấn C kê khai để thực hiện Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi - H, đoạn qua tỉnh Quảng Ngãi thuộc

dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025; địa điểm: Xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

Khiếu nại Quyết định số 9458/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND huyện T về việc bồi thường, hỗ trợ (đợt 8) và tái định cư (đợt 4) chi tiết cho bà Nguyễn Thị M1 (chết), ông Võ Tấn P4, ông Võ Tấn H, ông Võ Tấn C và bà Võ Thị T1 kê khai để thực hiện Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi - H, đoạn qua tỉnh Quảng Ngãi thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021- 2025; địa điểm: xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

Ngày 26/3/2024, Chủ tịch UBND huyện T ban hành Thông báo số 222/TB-UBND thông báo về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Võ Tấn Huỳnh .

Trên cơ sở kết quả xác minh nội dung khiếu nại; làm việc với các cơ quan, đơn vị có liên quan và ông Võ Tấn H; rà soát hồ sơ, đối chiếu với quy định của pháp luật. Tổ Xác minh có Báo cáo số 36/BC-TXM ngày 31/5/2024, báo cáo Chủ tịch UBND huyện T kết quả xác minh nội dung khiếu nại của ông Võ Tấn Huỳnh . Ngày 31/5/2024, Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số 3063/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Võ Tấn H; địa chỉ thường trú: Thôn A, xã N, huyện T (lần đầu). Nội dung:

Giữ nguyên nội dung Quyết định số 9172/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 của UBND huyện T về việc thu hồi đất của bà Nguyễn Thị M1 (chết; ông Võ Văn P3, ông Võ Tấn H, ông Võ Tấn C kê khai) để thực hiện Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi - H, đoạn qua tỉnh Quảng Ngãi thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025; địa điểm: Xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi và Quyết định số 9458/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND huyện T về việc bồi thường, hỗ trợ (đợt 8) và tái định cư (đợt 4) chi tiết cho bà Nguyễn Thị M1 (chết; ông Võ Tấn P4, ông Võ Tấn H, ông Võ Tấn C và bà Võ Thị T1 kê khai) để thực hiện Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi - H, đoạn qua tỉnh Quảng Ngãi thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021- 2025; địa điểm: xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

Như vậy, việc Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số 3063/QĐ-UBND ngày 31/5/2024 về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của ông Võ Tấn H là đúng quy định. Việc công dân yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh hủy Quyết định số 3063/QĐ-UBND ngày 31/5/2024 của Chủ tịch UBND huyện T. Nội dung này kính đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh xem xét giải quyết theo quy định.

*** *Tại Công văn số 501/UBND-KT ngày 04/8/2025 của Ủy ban nhân dân xã N, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người bị kiện và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:***

Theo bản đồ đo vẽ thực hiện Chỉ thị 299/TTg ngày 18/10/1980 của Chính phủ thuộc thửa đất số 317; tờ bản đồ địa chính số 3; Loại đất T (Đất thổ cư); nhưng không đứng tên trong sổ đăng ký ruộng đất (Sổ 5b);

Theo bản đồ đo vẽ năm 1993 thuộc thửa đất số 860, tờ bản đồ số 33; diện tích 3.729m²; loại đất ONT+BHK.

Năm 2008, thửa đất số 860, tờ bản đồ số 33 xã N (bản đồ năm 1993), diện tích 3.729m² được cấp GCNQSD đất cho bà Nguyễn Thị M1 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00822; do UBND huyện T cấp ngày 31/12/2008; Mục đích sử dụng: Đất ở 200m²; Đất BHK 3.529m².

Năm 2018 được cấp đổi GCNQSDĐ theo bản đồ đo vẽ 2010 tại thửa đất số 17, tờ bản đồ số 17, diện tích 3.753,4m², mục đích sử dụng: Đất ở 200m²; Đất BHK 3.553,4m², có số vào sổ CS 16759.

Vì vậy việc ông Võ Tấn H yêu cầu công nhận toàn bộ diện tích thửa đất bị thu hồi là diện tích đất ở để thực hiện trong công tác bồi thường và tái định cư theo quy định của pháp luật là không có cơ sở.

Ông Võ Tấn H cho rằng thửa đất của ông có một trong các loại giấy tờ theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 100 Luật Đất đai năm 2013 nay là điểm n khoản 1 Điều 137 Luật Đất đai năm 2024, cụ thể Trích lục địa bộ Đ3 phủ không thuộc loại giấy tờ quy định tại Điều 15 Thông tư 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ T2 quy định chi tiết một số điều của Nghị định 43, 44 ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Do đó, Giấy tờ về Trích lục địa bộ Đ3 phủ không phải là các loại giấy tờ theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 100 Luật Đất đai năm 2013 nay là điểm n khoản 1 Điều 137 Luật Đất đai năm 2024.

Hộ bà Nguyễn Thị M1 bị thu hồi 01 thửa đất số 17, tờ bản đồ GPMB số 01, diện tích 3.753,5m², loại đất ONT+BHK (200m² ONT; 3.553,5m² BHK), được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 17/4/2018, số phát hành CN 060388, số vào sổ CS 16759. Diện tích thu hồi 2.563,1m² (200m² ONT; 2.363,1m² BHK), diện tích còn lại 1.190,4m².

Dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi - H thuộc dự án xây dựng công trình đường C - Nam phía Đ giai đoạn 2021 - 2025 thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng được quy định tại Điều 62 Luật Đất đai 2013. Do đó, về cơ chế chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; đơn giá bồi thường về đất đai, cây cối, hoa màu, nhà ở, vật kiến trúc được áp dụng theo các văn bản

quy phạm pháp luật của Nhà nước và UBND tỉnh Q ban hành đang có hiệu lực thi hành tại thời điểm lập hồ sơ bồi thường và thu hồi đất, cụ thể như sau:

- Căn cứ Công văn số 458/TTg-CN ngày 25/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt khung chính sách về bồi thường hỗ trợ, tái định cư Dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi - H thuộc dự án xây dựng công trình đường C - N phía Đông giai đoạn 2021-2025;

- Căn cứ khoản 19 Điều 18 Quyết định số 75/2021/QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh Q: “Hộ gia đình, cá nhân khi bị thu hồi các loại đất khác trong cùng thửa đất có nhà ở trong khu dân cư nhưng không được công nhận là đất ở; các loại đất khác trong cùng thửa đất có nhà ở riêng lẻ; các loại đất khác trong cùng thửa đất có nhà ở dọc kênh mương và dọc tuyến đường giao thông thì ngoài việc được bồi thường theo giá đất nông nghiệp trong cây lâu năm, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm còn được hỗ trợ bằng 50% giá đất ở của thửa đất đó cho toàn bộ diện tích đất thu hồi trong cùng một thửa đất có nhà ở nhưng không vượt quá diện tích đất bị thu hồi”.

- Căn cứ Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của UBND tỉnh Q ban hành quy định về Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi áp dụng cho thời kỳ 05 năm (2020-2024); Căn cứ Quyết định số 17/2023/QĐ-UBND ngày 19/5/2023 của UBND tỉnh Q về việc sửa đổi, bổ sung Bảng giá số 2, Bảng giá đất ở trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi áp dụng cho thời kỳ 05 năm (2020 - 2024) kèm theo Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của UBND tỉnh ban hành Quy định về Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi áp dụng cho thời kỳ 05 năm (2020-2024) và căn cứ Quyết định số 213/QĐ-UBND ngày 29/3/2023 của UBND tỉnh Q về việc thống nhất hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất cụ thể tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện các công trình, dự án trên địa bàn tỉnh, theo đó công trình đường C-N phía Đông giai đoạn 2021-2025 có hệ số điều chỉnh giá đất là bằng 1; Thửa đất số 17: đối với đất ở thuộc khu vực 1, vị trí 3 có đơn giá là 2.000.000 đồng/m²; đối với đất BHK thuộc vị trí 1 có đơn giá 42.000 đồng/m²; vì vậy, chi bồi thường và hỗ trợ về đất được tính như sau:

+ Bồi thường về đất ở: $200\text{m}^2 \times 2.000.000 \text{ đồng} = 400.000.000 \text{ đồng}$;

+ Bồi thường về đất BHK: $2.363,1\text{m}^2 \times 42.000 \text{ đồng} \times 1 \text{ lần} = 99.250.200 \text{ đồng}$.

+ Hỗ trợ về đất BHK (bằng 50% giá đất ở): $2.363,1\text{m}^2 \times 2.000.000 \text{ đồng} \times 50\% = 2.363.100.000 \text{ đồng}$.

Việc tính toán hỗ trợ, bồi thường là đảm bảo theo quy định hiện hành của UBND tỉnh Q.

Việc bố trí tái định cư là dựa trên căn cứ theo quy định: Thửa đất số 17, tờ bản đồ GPMB số 01, diện tích 3.753,5m², loại đất ONT+BHK (200m² ONT; 3.553,5m² BHK), thuộc khu vực 1, vị trí 3, diện tích thu hồi 2.563,1m² (200m² ONT; 2.363,1m² BHK) diện tích còn lại 1.190,4m². Căn cứ khoản 1 Điều 20 Quyết định số 75/2021/QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh Q quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, hộ bà Nguyễn Thị M1 (chết; ông Võ Văn P3, ông Võ Tấn H1, ông Võ Tấn C, bà Võ Thị T1 kê khai) đủ điều kiện bố trí 01 lô đất tái định cư và đã được phê duyệt lô đất TDC3: 11, diện tích 299,8m² tại Khu tái định cư A, xã N

Ông Võ Tấn H còn cho rằng Quyết định số 9458/QĐUBND ngày 22/12/2023 của UBND huyện T tính giá bồi thường không đúng quy định tại khoản 3, 4 Điều 114 Luật Đất đai, Điều 15, 16 Nghị định 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, không tính tiền bồi thường công trình kiến trúc xây dựng trên phần đất bị thu hồi mà UBND huyện cho là xây dựng trên đất BHK là không đúng.

Nhà cấp IVA và cấp IVC của ông Võ Tấn H được xác định xây dựng trên đất BHK vào năm 2011. Căn cứ khoản 16, Điều 18 Quyết định số 75/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh Q thì được tính hỗ trợ 40% giá trị nhà. Các căn nhà cấp IVC của bà Nguyễn Thị Kim N được xác định xây dựng trên đất BHK vào năm 2020 và 2021. Căn cứ khoản 16, Điều 18 Quyết định số 75/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh Q thì không được tính hỗ trợ. Nhà cấp IVC của ông Võ Tấn C và bà Ngô Thị Kim M được xác định xây dựng trên đất BHK vào năm 2021. Căn cứ khoản 16, Điều 18 Quyết định số 75/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh Q thì không được tính hỗ trợ.

Nhà vệ sinh của ông Võ Tấn P4 đã được tính bồi thường, hỗ trợ và phê duyệt bổ sung tại Phương án đợt 9 tại Quyết định số 1739/QĐ-UBND ngày 27/3/2024 của UBND huyện T. Vì vậy việc bồi thường, hỗ trợ về nhà cửa, vật kiến trúc cho các hộ nêu trên đảm bảo theo Quyết định 46/2022/QĐ-UBND ngày 02/12/2022 của UBND tỉnh Q. Kính đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh xem xét, tổng hợp để có cơ sở giải quyết vụ án theo quy định.

**** Tại Công văn số 27/TTPTQĐ ngày 12/02/2025, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện T trình bày:***

Thông tin về thửa đất bị thu hồi: Ông Võ Tấn H đang sử dụng thửa đất số 17, tờ bản đồ địa chính số 17, xã N, diện tích 3.753,4m²; mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn 200,0m² và đất trồng cây hàng năm khác 3.553,4m²; địa chỉ thửa đất tại thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi, được Sở T tỉnh cấp giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất ngày 17/4/2018, đứng tên Bà Nguyễn Thị M1 (mẹ ruột của ông Võ Tấn H) nay đã chết.

Thông báo thu hồi đất: Thông báo số 1250/TB-UBND ngày 06/9/2022 của UBND huyện T về việc thu hồi đất của bà Nguyễn Thị M1 (chết, đại diện ông Võ Văn P3) đối với thửa đất số 17, tờ bản đồ địa chính số 17, tại xã N, diện tích dự kiến thu hồi 2.563,1m². Ngày 31/12/2022, UBND huyện T ban hành Thông báo số 2757/TB-UBND về việc điều chỉnh nội dung tại Thông báo số 1250/TB-UBND ngày 06/9/2022 của UBND huyện T với nội dung là điều chỉnh chủ thể sử dụng đất: Từ “Bà Nguyễn Thị M1 (chết, đại diện ông Võ Văn P3)” thành: “Bà Nguyễn Thị M1 (chết, ông Võ Văn P3, ông Võ Tấn H, ông Võ Tấn C kê khai)”.

Quá trình thực hiện công tác họp dân, kiểm kê, lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:

Họp dân:

Ngày 13/9/2022 và sáng ngày 14/9/2022 Trung tâm cùng với UBND xã N, UBMTTQVN xã N tổ chức mời tất cả các hộ dân trong vùng Dự án để họp dân, tuyên truyền, phổ biến quy định về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và triển khai công tác kiểm kê, xác lập hồ sơ bồi thường thực hiện dự án.

Công tác kiểm kê đất đai và tài sản:

Thực hiện Thông báo số 65/TB-TTPTQĐ ngày 14/9/2022 của Trung tâm về việc kiểm kê, đo đạc hiện trạng để xác lập hồ sơ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án. Trung tâm phối hợp cùng với UBND xã N và hộ dân tiến hành kiểm kê đất đai và tài sản bị thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất để GPMB thực hiện Dự án tại hiện trạng các thửa đất bị ảnh hưởng bởi Dự án của bà Nguyễn Thị M1.

Hiện trạng thửa đất:

- Có nhà ở, công trình xây dựng khác của ông Võ Văn P3 (con trai ruột của bà Nguyễn Thị M1 – Anh ruột của ông Võ Tấn H).

- Có nhà ở, công trình xây dựng khác của bà Võ Thị T1: (em chồng của bà Nguyễn Thị M1 – Cô ruột của ông Võ Tấn H).

- Có nhà ở, công trình xây dựng khác của ông Võ Tấn H: (con trai ruột của bà Nguyễn Thị M1).

- Có nhà ở, công trình xây dựng khác của ông bà Nguyễn Thị Kim N: thu (con dâu của bà Nguyễn Thị M1- vợ của ông Võ Tấn H).

- Có nhà ở, công trình xây dựng khác của ông Võ Tấn C: (con trai Bà ruột của bà Nguyễn Thị M1 – em ruột của ông Võ Tấn H).

Lập phương án dự kiến bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:

Trên cơ sở khối lượng tài sản kiểm kê được xác lập và hồ sơ xác nhận tính pháp lý về (nguồn gốc đất, năm xây dựng, hộ còn hoặc không còn nơi ở khác tại xã N....) của UBND xã N;

Đối chiếu theo quy định và trên cơ sở bảng xác nhận, Trung tâm tiến hành lập và niêm yết công khai phương án dự kiến bồi thường, hỗ trợ (đợt 8) tại Thông báo số 113/TB-TTPTQĐ ngày 17/11/2023.

Thông tin về thu hồi đất; giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: Quá trình thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ về đất, tài sản trên đất và các khoản hỗ trợ cho Bà Nguyễn Thị M1 (chết; ông Võ Văn P3, ông Võ Tấn H, ông Võ Tấn C kê khai) được thực hiện tại phương án đợt 8 và điều chỉnh, bổ sung tại 02 phương án: đợt 9 và đợt 10.

Thông tin diện tích đất thu hồi để thực hiện dự án thu hồi tại Quyết định số 9172/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 của UBND huyện T thu hồi 2.563,1m², thuộc thửa đất số 17, tờ bản đồ địa chính số 17, xã N; loại đất thu hồi: 200,0m² ONT và 2.363,1m² BHK.

Phân bồi thường, hỗ trợ:

Phương án thực hiện: Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt các phương án: Phương án bồi thường và hỗ trợ (đợt 8) tại Quyết định số 9164/QĐ-UBND ngày 15/12/2023; Phương án bồi thường và hỗ trợ (đợt 9) tại Quyết định số 1739/QĐ-UBND ngày 27/3/2024 và Phương án bồi thường và hỗ trợ (đợt 10) tại Quyết định số 4223/QĐ-UBND ngày 31/7/2024.

Giá trị bồi thường, hỗ trợ chi tiết tại Quyết định số 9458/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 về việc bồi thường, hỗ trợ (đợt 8); Quyết định số 1943/QĐ-UBND ngày 08/4/2024 về việc bồi thường, hỗ trợ (đợt 9) và Quyết định số 4103/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 về việc bồi thường, hỗ trợ (đợt 10) cho Bà Nguyễn Thị M1 (chết; ông Võ Văn P3, ông Võ Tấn H, ông Võ Tấn C kê khai):

Tổng tiền bồi thường, hỗ trợ: 6.156.435.270 đồng (Trong đó: Bồi thường, hỗ trợ về đất: 2.862.350.200 đồng; bồi thường về cây trồng: 52.310.485 đồng; bồi thường, hỗ trợ nhà, vật kiến trúc 3.212.924.793 đồng; các khoản hỗ trợ 28.850.092 đồng).

Phân tái định cư: Được thực hiện tại phương án tái định cư đợt 4 được UBND huyện phê duyệt tại Quyết định số 9162/QĐ-UBND ngày 15/12/2023:

Áp dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Quyết định số 75/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh giao 01 lô đất tái định cư tại Khu tái định cư tại Khu A, xã N có số ký hiệu TDC3: 11/ 299,8m² với tổng số tiền sử dụng đất phải nộp là: 120.914.600 đồng (trong đó: người dân nộp 119.920.000 đồng; Dự án hỗ trợ 994.600 đồng).

Qua kiểm tra, rà soát toàn bộ hồ sơ cho thấy việc thu hồi đất để thực hiện dự án và tính toán áp giá bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất, bố trí đất tái định cư đối với trường hợp của Bà Nguyễn Thị M1 (chết; ông Võ Văn P3, ông Võ Tấn H, ông Võ Tấn C kê khai) là phù hợp với quy định hiện hành.

Về việc đề nghị áp dụng biện pháp cưỡng chế thu hồi đất của hộ:

Sau khi, Phương án bồi thường, hỗ trợ được thẩm định, phê duyệt và UBND huyện T ban hành các quyết định về việc thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ cho Bà Nguyễn Thị M1 (chết; ông Võ Văn P3, ông Võ Tấn H, ông Võ Tấn C kê khai). Trung tâm đã phối hợp cùng UBND xã N, các Hội đoàn thể chính trị - xã hội xã N, BQL dự án ĐTXD các CTGT tỉnh và các đơn vị liên quan lập các thủ tục tiếp theo như: niêm yết công khai Quyết định và phương án được duyệt; bàn giao Quyết định thu hồi đất và Quyết định bồi thường, hỗ trợ cho người bị thu hồi đất; tổ chức chi trả tiền và vận động nhận tiền bồi thường, hỗ trợ đối với hộ dân trên. Tuy nhiên, qua các lần mời chi trả, vận động hộ dân vẫn chưa thống nhất nhận tiền và chưa bàn giao mặt bằng cho dự án việc tiếp tục tổ chức vận động sẽ không còn tính khả thi, gây kéo dài thời gian thực hiện Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025, đoạn qua xã N, huyện T.

Qua kiểm tra trình tự, thủ tục thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với trường hợp trên Trung tâm đã có Tờ trình số 63/TTr-TTPTQĐ ngày 29/01/2024 gửi UBND huyện xem xét áp dụng biện pháp cưỡng chế thu hồi đất là đúng theo quy định tại Điều 71 Luật Đất đai năm 2013.

*** Ý kiến của ông Võ Văn P3, ông Võ Tấn C, bà Ngô Thị Kim M, bà Võ Thị P, bà Võ Thị P1, Võ Thị P2 và bà Nguyễn Thị Kim N là những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông Võ Tấn Huỳnh .

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 33/2025/HC-ST ngày 07 tháng 9 năm 2025, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 115, khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1, khoản 1 Điều 143, Điều 144, khoản 2 Điều 173, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 204, Điều 206, khoản 1 Điều 348, Điều 358 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 62, Điều 63, Điều 66, Điều 67, Điều 69, Điều 74, Điều 75, Điều 76, Điều 77, Điều 79, Điều 89, Điều 92, Điều 100, Điều 114 Luật Đất đai năm 2013; Điều 18, Điều 27, Điều 28, Điều 29, Điều 30, Điều 31 Luật Khiếu nại năm 2011;

Căn cứ các Điều 7, 10, 12, 18, 21 và Điều 22 Thông tư số 07/2013/TT-TTCTP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ; khoản 1 Điều 3, điểm a khoản 1 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Quyết định số

75/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh Q; Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của UBND tỉnh Q; Quyết định số 213/QĐ-UBND ngày 29/3/2023 của UBND tỉnh Q; Quyết định số 46/2022/QĐ-UBND ngày 02/12/2022 của UBND tỉnh Q; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Võ Tấn H về việc yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 9172/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 của UBND huyện T về việc thu hồi đất của bà Nguyễn Thị M1 (chết), ông Võ Văn P3, ông Võ Tấn H, ông Võ Tấn C kê khai để thực hiện Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi - H, đoạn qua tỉnh Quảng Ngãi thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc-Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025.

- Hủy Quyết định số 9458/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND huyện T về việc bồi thường, hỗ trợ (đợt 8) và tái định cư (đợt 4) chi tiết cho bà Nguyễn Thị M1 (chết), ông Võ Văn P3, ông Võ Tấn H, ông Võ Tấn C và bà Võ Thị T1 để thực hiện Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi - H, đoạn qua tỉnh Quảng Ngãi thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025.

- Hủy Quyết định số 949/QĐ-UBND ngày 27/02/2024 của Chủ tịch UBND huyện T về việc cưỡng chế thu hồi đất cho bà Nguyễn Thị M1 (chết), ông Võ Văn P3, ông Võ Tấn H, ông Võ Tấn C để thực hiện Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi - H, đoạn qua tỉnh Quảng Ngãi thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025.

- Hủy Quyết định số 3054/QĐ-UBND ngày 31/5/2024 của Chủ tịch UBND huyện T về việc điều chỉnh thời gian quyết định cưỡng chế thu hồi đất của bà Nguyễn Thị M1 (chết), ông Võ Văn P3, ông Võ Tấn H, ông Võ Tấn C tại Quyết định số 949/QĐ-UBND ngày 27/02/2024 của Chủ tịch UBND huyện T.

- Hủy Quyết định số 3063/QĐ-UBND ngày 31/5/2024 của Chủ tịch UBND huyện T về việc giải quyết khiếu nại của ông Võ Tấn Huỳnh .

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/9/2025, người khởi kiện ông Võ Tấn H kháng cáo đề nghị Toà án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để chuyển hồ sơ cho Toà án cấp sơ thẩm xét xử lại vụ án.

Tại phiên toà phúc thẩm:

- Người khởi kiện ông Võ Tấn H và người đại diện theo uỷ quyền là ông Vũ Hồng A vắng mặt và đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm giải quyết vụ án cho rằng: Bản án hành chính sơ thẩm số 33/2025/HC-ST ngày 07 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Võ Tấn H là có căn cứ, đúng pháp luật. Kháng cáo của ông Võ Tấn H đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm để chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại vụ án là không có căn cứ. Do đó, đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính, bác yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện ông Võ Tấn H và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về việc vắng mặt các đương sự: Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện ông Võ Tấn H và đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện ông Vũ Hồng A; người đại diện theo pháp luật của người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Chủ tịch UBND xã N; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Trung tâm Phát triển quỹ đất chi nhánh khu vực T, ông Võ Văn P3; những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim N, bà Ngô Thị Kim M, ông Võ Tấn C, bà Võ Thị P, bà Võ Thị P1 và bà Võ Thị P2, đồng thời những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Võ Thị T1 có người đại diện theo uỷ quyền là ông Vũ Hồng A đều vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 225 Luật Tổ tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với các đương sự.

[1.2] Về thời hiệu và thẩm quyền: Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa sơ thẩm, ông Võ Tấn H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 9172/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 của UBND huyện T về việc thu hồi đất của bà Nguyễn Thị M1 (chết), ông Võ Văn P3, ông Võ Tấn H, ông Võ Tấn C kê khai để thực hiện Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi - H, đoạn qua tỉnh Quảng Ngãi thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc-Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025.

- Hủy Quyết định số 9458/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND huyện T về việc bồi thường, hỗ trợ (đợt 8) và tái định cư (đợt 4) chi tiết cho bà Nguyễn Thị M1 (chết), ông Võ Văn P3, ông Võ Tấn H, ông Võ Tấn C và bà Võ Thị T1 để

thực hiện Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi - H, đoạn qua tỉnh Quảng Ngãi thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025.

- Hủy Quyết định số 949/QĐ-UBND ngày 27/02/2024 của Chủ tịch UBND huyện T về việc cưỡng chế thu hồi đất cho bà Nguyễn Thị M1 (chết), ông Võ Văn P3, ông Võ Tấn H, ông Võ Tấn C để thực hiện Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi - H, đoạn qua tỉnh Quảng Ngãi thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025.

- Hủy Quyết định số 3054/QĐ-UBND ngày 31/5/2024 của Chủ tịch UBND huyện T về việc điều chỉnh thời gian quyết định cưỡng chế thu hồi đất của bà Nguyễn Thị M1 (chết), ông Võ Văn P3, ông Võ Tấn H, ông Võ Tấn C tại Quyết định số 949/QĐ-UBND ngày 27/02/2024 của Chủ tịch UBND huyện T.

- Hủy Quyết định số 3063/QĐ-UBND ngày 31/5/2024 của Chủ tịch UBND huyện T về việc giải quyết khiếu nại của ông Võ Tấn Huỳnh .

Các quyết định hành chính nêu trên là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính, còn thời hiệu khởi kiện, ông Võ Tấn H được quyền khởi kiện và Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi thụ lý, giải quyết theo trình tự sơ thẩm là đúng thẩm quyền giải quyết theo quy định tại khoản 2 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; khoản 1 Điều 115; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

[1.3] Về thời hạn kháng cáo và chủ thể kháng cáo: Ngày 07/9/2025, Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm và ban hành Bản án hành chính sơ thẩm số 33/2025/HC-ST cùng ngày. Ngày 20/9/2025, người khởi kiện ông Võ Tấn H kháng cáo đề nghị Toà án cấp phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm để chuyển hồ sơ cho Toà án cấp sơ thẩm xét xử lại vụ án. Kháng cáo của ông H là đúng chủ thể và còn trong hạn luật định, đã được Toà phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng thụ lý giải quyết và đưa ra xét xử tại phiên toà hôm nay.

[2]. Xét kháng cáo của người khởi kiện ông Võ Tấn H, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[2.1] Đối với nội dung Toà án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông Võ Tấn H về việc: *Hủy Quyết định số 9172/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 của UBND huyện T về việc thu hồi đất của bà Nguyễn Thị M1 (chết), ông Võ Văn P3, ông Võ Tấn H, ông Võ Tấn C kê khai để thực hiện Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi - H, đoạn qua tỉnh Quảng Ngãi thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc-Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025 và Hủy Quyết định số 9458/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND huyện T về việc bồi thường, hỗ trợ (đợt 8) và tái định cư (đợt 4) chi tiết cho bà Nguyễn Thị M1 (chết), ông Võ Văn P3, ông Võ Tấn H,*

ông Võ Tấn C và bà Võ Thị T1 để thực hiện Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi - H, đoạn qua tỉnh Quảng Ngãi thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025; thấy rằng:

[2.1.1] Xét nguồn gốc thửa đất số 17, tờ bản đồ số 17, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi (nay là xã N, tỉnh Quảng Ngãi), thấy rằng:

[2.1.1.1] Nguyên trước đây thửa đất số 17, tờ bản đồ số 17, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi có nguồn gốc là do vợ chồng ông Võ L tạo lập và sử dụng. Sau đó để lại cho ông Võ Ngọc A1 và bà Nguyễn Thị M1 (là cha mẹ của người khởi kiện) quản lý, sử dụng. Trong quá trình sử dụng, theo bản đồ đo vẽ thực hiện Chỉ thị 299/TTg ngày 18/10/1980 của Chính phủ thuộc thửa đất số 317, tờ bản đồ địa chính số 8, loại đất T (Đất thổ cư); nhưng không đứng tên trong sổ đăng ký ruộng đất (Sổ mẫu 5b).

[2.1.1.2] Theo bản đồ đo vẽ năm 1993 thuộc thửa đất số 860, tờ bản đồ số 33, diện tích 3.729m², loại đất ONT+BHK do ông Võ Ngọc A1 có đăng ký kê khai trong sổ mục kê ruộng đất tại trang số 14 và được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 23/12/1999 đối với thửa đất số 860, tờ bản đồ số 33, diện tích 3.850m² (200m² đất T và 3.650m² đất V).

[2.1.1.3] Năm 2008, thửa đất số 860, tờ bản đồ số 33, xã N (bản đồ năm 1993), diện tích 3.729m² được cấp GCNQSD đất cho bà Nguyễn Thị M1 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00822; do UBND huyện T cấp ngày 31/12/2008; Mục đích sử dụng: Đất ở 200m²; Đất BHK 3.529m².

[2.1.1.4] Năm 2018, bà Nguyễn Thị M1 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp đổi GCNQSD đất theo bản đồ đo vẽ 2010 tại thửa đất số 17, tờ bản đồ số 17, diện tích 3.753,4m², mục đích sử dụng: Đất ở 200m²; Đất BHK 3.553,4m², có số vào sổ CS 16759.

[2.1.2] Xét về quá trình thu hồi đất của bà Nguyễn Thị M1, thấy rằng:

[2.1.2.1] Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025 đã được Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022. Ngày 11/02/2022, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 18/NQ-CP để triển khai thực hiện Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội. Ngày 25/5/2022, Thủ tướng Chính phủ ban hành Công văn số 458/TTg-CN về phê duyệt Khung chính sách về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi - H, thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025.

[2.1.2.2] Ngày 13/7/2022, Bộ trưởng Bộ G ban hành Quyết định số 906/QĐ-BGTVT về việc phê duyệt Dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi - H, thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025.

[2.1.2.3] Ngày 05/8/2022, Chủ tịch UBND tỉnh Q ban hành Quyết định số 1044/QĐ-UBND về việc phê duyệt Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi - H, đoạn qua tỉnh Quảng Ngãi thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025, địa điểm: xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

[2.1.2.4] Ngày 04/5/2022, Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 1734/QĐ-UBND về việc ban hành kế hoạch thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án đường bộ cao tốc Quảng Ngãi - H, đoạn qua huyện T.

[2.1.2.5] Ngày 06/9/2022, UBND huyện T ban hành Thông báo thu hồi đất số 1250/TB-UBND đối với bà Nguyễn Thị M1 (Bút lục số 348). Ngày 08/9/2022, UBND xã N phối hợp với Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện T và các thành phần liên quan tiến hành niêm yết công khai thông báo thu hồi đất nêu trên tại UBND xã N, nhà Văn hóa thôn A2 và kết thúc thời hạn niêm yết công khai theo đúng quy định; đồng thời công khai thông báo thu hồi đất trên Đài truyền thanh xã N.

[2.1.2.6] Ngày 14/9/2022, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện T ra Thông báo số 65/TB-TTPTQĐ về kiểm kê, đo đạc hiện trạng để xác lập hồ sơ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, giải phóng mặt bằng để thực hiện Dự án. Trong các ngày 14/9/2022, ngày 24/9/2022 và ngày 27/9/2022, bà Võ Thị T1, ông Võ Văn P3, ông Võ Tấn C, bà Ngô Thị Kim M, ông Võ Tấn H và bà Nguyễn Thị Kim N (đại diện cho gia đình bà M1) tự kê khai đất đai và tài sản thiệt hại thuộc phạm vi thu hồi đất Dự án xây dựng công trình đường C - N phía Đông giai đoạn 2021 - 2025, đoạn qua địa bàn xã N, huyện T. Các ông bà trên kê khai thửa đất 17, tờ bản đồ số 17, diện tích sử dụng 3.753,4m², diện tích bị thu hồi 2.563,1m², loại đất ONT+BHK (bút lục số 261). Ngoài ra ông, bà còn kê khai một số cây cối, hoa màu tại các biên bản kiểm kê nêu trên (bút lục số 316-294-280-264) và các phiếu kiểm kê cây trồng, nhà, vật kiến trúc, mồ mả và tài sản khác (bút lục số 319-288-275-268).

[2.1.2.7] Ngày 15/12/2023, Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 9172/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của bà Nguyễn Thị M1 (chết), ông Võ Văn P3, ông Võ Tấn H, ông Võ Tấn C kê khai để thực hiện Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi - H, đoạn qua tỉnh Quảng Ngãi thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025, theo đó đã thu hồi diện tích 2.563m², 200m² đất ONT+ 2.363m² đất BHK thuộc thửa đất số 17, tờ bản đồ số 17, xã N, huyện T (nay là xã

N, tỉnh Quảng Ngãi). Quyết định này được ban hành đúng trình tự, thủ tục, nội dung phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.1.3] Xét nội dung người khởi kiện cho rằng UBND huyện T thu hồi đất của bà Nguyễn Thị M1 là không đúng loại đất, thấy rằng:

[2.1.3.1] Về việc đăng ký kê khai thửa đất theo hồ sơ thực hiện Chỉ thị 299/TTg: Theo bản đồ đo vẽ thực hiện theo Chỉ thị 299/TTg, thửa đất 17, tờ bản đồ số 17, xã N được biến động từ thửa đất số 317, tờ bản đồ địa chính số 8, loại đất T (Đất thổ cư) nhưng không ai đứng tên trong sổ đăng ký ruộng đất (Sổ mẫu 5b). Theo bản đồ đo vẽ năm 1993 thuộc thửa đất số 860, tờ bản đồ số 33, diện tích 3.729m², loại đất ONT+BHK do ông Võ Ngọc A1 có đăng ký kê khai trong sổ mục kê ruộng đất tại trang số 14. Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Sổ mục kê này được Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã N ký ngày 19/5/1989, tức sau ngày 18/12/1980; đồng thời, thửa đất không có tên trong Sổ đăng ký ruộng đất (sổ 5b); Bảng tổng hợp danh sách trong Sổ mục kê này là một phần tài liệu của hồ sơ địa chính, không phải là Bảng tổng hợp các trường hợp sử dụng đất hợp pháp do UBND xã lập theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 18 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai như ý kiến của đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện. Do vậy, đây không phải là một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định khoản 1 Điều 100 Luật Đất đai năm 2013; Điều 18 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

[2.1.3.2] Hơn nữa, theo Điều 15 của Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ T2 quy định thì bản Trích lục Đ1 Nam Trung Kỳ Chánh phủ do người khởi kiện cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án không phải là một trong các loại giấy tờ khác chứng minh việc tạo lập nhà ở, đất ở nay được UBND cấp tỉnh nơi có đất ở công nhận bởi vì tại thời điểm thu hồi đất để thực hiện Dự án thì đối với Bản trích lục Đại Nam Trung Kỳ Chánh P5, UBND tỉnh Q không có văn bản nào hướng dẫn hoặc công nhận là một trong các loại giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền thuộc chế cũ cấp cho người sử dụng đất.

[2.1.3.3] Từ những viện dẫn trên, việc người khởi kiện cho rằng nguồn gốc thửa đất số 17, tờ bản đồ số 17, xã N có một trong các loại giấy theo quy định tại các điểm e, g khoản 1 Điều 100 Luật Đất đai năm 2013; Điều 18 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ là không có căn cứ.

[2.1.3.4] Ngoài ra, thửa đất trên từ khi được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu cho ông Võ Ngọc A1 ngày 23/12/1999 với diện tích 3.850m² (Trong đó 200m² đất T và 3.650m² đất V), cho đến khi bà Nguyễn Thị M1 (vợ ông Võ Ngọc A1) được UBND huyện T cấp GCNQSD đất ngày ngày 31/12/2008 với diện tích 3.729m² (Trong đó 200m² đất ở và 3.529m² đất BHK)

và sau này bà M1 được Sở T cấp đổi GCNQSD đất với diện tích 3.753,4m² (Trong đó 200m² đất ở và 3.553,4m² đất BHK). Quá trình quản lý, sử dụng đất và đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất qua các lần thì bà Nguyễn Thị M1 hay các con của bà đều không thắc mắc, khiếu nại gì về loại đất được cấp.

[2.1.3.5] Việc tăng, giảm diện tích của thửa đất nêu trên theo người khởi kiện trình bày do nhu cầu cá nhân, trước đây ông Võ Ngọc A1 có chuyển nhượng cho các ông: Nguyễn Thái L2, Phạm Ngọc N1 và ông Võ Tấn K một phần diện tích thửa đất và được tách ra thành các thửa đất số 40, 41 và 70 trên cùng tờ bản đồ số 17 xã N (bản đồ VLAP 2010) cho nên diện tích còn lại của thửa số 17, tờ bản đồ số 17, xã N (bản đồ VLAP 2010) hiện nay được cấp theo GCNQSDĐ là 3.753,4m².

[2.1.3.6] Theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất (bút lục số 326) và các biên bản kiểm kê đất thể hiện diện tích đất bị thu hồi của thửa đất số 17 nêu trên là 2.563,1m², diện tích còn lại sau khi thu hồi là 1.190,4m².

[2.1.3.7] Tại thời điểm thu hồi đất để thực hiện dự án, bà Nguyễn Thị M1 đã chết, ông Võ Văn P3, ông Võ Tấn H, ông Võ Tấn C, bà Võ Thị T1 và những người thừa kế hợp pháp của bà M1 là chủ sử dụng đất đối với thửa đất số 17, tờ bản đồ số 17, xã N, diện tích với diện tích 3.753,4m² (Trong đó 200m² đất ở và 3.553,4m² đất BHK) do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 17/4/2018. Do đó, UBND huyện T ban hành Quyết định số 9172/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 về việc thu hồi đất của bà Nguyễn Thị M1 (chết), ông Võ Văn P3, ông Võ Tấn H, ông Võ Tấn C kê khai là đúng loại đất, đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 11, Điều 62, Điều 63, Điều 66, Điều 67, Điều 69, Điều 103 Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

[2.1.4] Xét quá trình bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, thấy rằng:

[2.1.4.1] Ngày 17/11/2023 và ngày 21/11/2023, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện T ban hành Thông báo số 113/TB-TTPTQĐ và Thông báo số 115/TB-TTPTQĐ về việc niêm yết công khai phương án dự kiến bồi thường, hỗ trợ; sau đó Trung tâm phát triển quỹ đất huyện T đã phối hợp với các Hội đoàn thể, UBND xã N tiến hành niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ; họp lấy ý kiến về công tác niêm yết phương án và kết thúc niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ Dự án theo quy định.

[2.1.4.2] Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện T lập Tờ trình về việc thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ; ngày 07/12/2023, Ban Q2 đã ban hành Công văn số 2405/BQLDA2-PID6 về việc chấp thuận Phương án bồi thường, hỗ trợ (Đ) và tái định cư (Đợt 4); ngày 15/12/2023, UBND huyện T ban hành Quyết định số

9164/QĐ-UBND và Quyết định số 9162/QDD-UBND về việc phê duyệt phương án, dự toán bồi thường, hỗ trợ (đợt 8 và đợt 4) để giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án: Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi - H thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn năm 2021 - 2025.

[2.1.4.3] Ngày 22/12/2023, Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 9458/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ (đợt 8) và tái định cư (đợt 4) chi tiết cho bà Nguyễn Thị M1 (chết, ông Võ Văn P3, ông Võ Tấn H, ông Võ Tấn C và bà Võ Thị T1 kê khai) để thực hiện Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi - H, thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025, địa điểm: xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi. Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ là 6.000.637.830 đồng, gồm: Trong đó bồi thường đất: 499.250.200 đồng; Hỗ trợ bằng 50% giá đất ở: 2.363.100.000 đồng; Bồi thường, hỗ trợ nhà, vật khiên trúc, công trình phục vụ đời sống, sản xuất, công trình khác và mồ mả: 3.066.012.341 đồng; Bồi thường về cây trồng: 44.687.720 đồng; Các khoản hỗ trợ: 27.587.569 đồng.

[2.1.4.4] Ngày 08/4/2024, Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 1943/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ chi tiết (đợt 9) cho bà Nguyễn Thị M1 (chết, ông Võ Văn P3, ông Võ Tấn H, ông Võ Tấn C và bà Võ Thị T1 kê khai) bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ đợt 8. Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ bổ sung là 127.142.715 đồng. Ngày 31/7/2024, Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 4103/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ (đợt 10) và tái định cư (đợt 6) chi tiết cho bà Nguyễn Thị M1 (chết, ông Võ Văn P3, ông Võ Tấn H, ông Võ Tấn C và bà Võ Thị T1 kê khai) điều chỉnh, bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ đợt 8. Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ bổ sung là 28.654.725 đồng. Đối với các quyết định này, người khởi kiện đồng ý và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét là có căn cứ.

[2.1.5] Xét về đơn giá bồi thường đất nông nghiệp, thấy rằng:

[2.1.5.1] Theo người khởi kiện, UBND huyện T bồi thường cho gia đình bà M1 đơn giá đất là không đúng pháp luật, hệ số điều chỉnh giá đất thấp, không đúng quy định tại Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; UBND huyện T không tổ chức thành lập Hội đồng thẩm định giá đất để tư vấn cho UBND quyết định giá đất cụ thể để bồi thường cho phần diện tích đất của bà M1 và không tính chi phí san lấp mặt bằng. Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1.5.2] Trên cơ sở loại đất bị thu hồi, Ủy ban nhân dân huyện T khi triển khai thực hiện Dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi - H thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025, cơ chế chính

sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện theo Khung chính sách về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Công văn số 458/TTg-CN ngày 25/5/2022 và Quyết định số 75/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh Q ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

[2.1.5.3] Theo quy định tại Điều 114 Luật Đất đai năm 2013, UBND cấp tỉnh là cơ quan có thẩm quyền ban hành Bảng giá đất và quyết định giá đất cụ thể.

[2.1.5.4] Dự án nêu trên được bắt đầu triển khai thực hiện trong năm 2022 nên ngày 29/3/2023, UBND tỉnh Q ra Quyết định số 213/QĐ-UBND về việc thống nhất hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất cụ thể tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện các công trình, dự án trên địa bàn tỉnh; trong đó, đã thống nhất hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất cụ thể tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi - H, đoạn qua tỉnh Quảng Ngãi thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025, địa điểm: xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi đối với đất ở tại nông thôn thuộc vị trí A, khu vực 3 tuyến đường đoạn qua xã N và xã N là 1,00 lần.

[2.1.5.5] Cụ thể, ngày 08/6/2020, Ủy ban nhân dân tỉnh Q có Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND về việc ban hành Quy định về Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi áp dụng cho thời kỳ 05 năm (2020 - 2024). Theo đó, thửa đất số 17, tờ bản đồ số 17, xã N của bà Nguyễn Thị M1 đối với đất ở tại nông thôn thuộc khu vực 1, vị trí 3 có đơn giá là 2.000.000 đồng/m²; đối với đất BHK thuộc vị trí 1 có đơn giá 42.000 đồng/m².

[2.1.5.6] Việc UBND tỉnh Q ban hành Quyết định số 213/QĐ-UBND ngày 29/3/2023 là trên cơ sở kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh. Như vậy, Dự án trên được UBND tỉnh Q thống nhất hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất cụ thể tính tiền bồi thường trước khi UBND tỉnh Q ban hành Quyết định số 1252/QĐ-UBND ngày 15/11/2023 về việc ủy quyền quyết định giá đất cụ thể, quyết định thành lập Hội đồng thẩm định giá đất. Do đó, UBND huyện T áp dụng Bảng giá đất tại Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 và hệ số điều chỉnh tại Quyết định số 213/QĐ-UBND ngày 29/3/2023 để tính tiền bồi thường về đất là phù hợp với quy định tại Điều 114 Luật Đất đai năm 2013.

[2.1.5.7] Đối chiếu với các quy định trên, thửa đất của bà Nguyễn Thị M1 bị thu hồi 200m² đất ONT và 2.363,1m² đất BHK, hệ số điều chỉnh 1,00 nên Ủy ban nhân dân huyện T bồi thường về đất với số tiền 499.250.200 đồng tại Quyết định số 9458/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.1.6] Xét về việc không tính chi phí san lấp mặt bằng, thấy rằng:

[2.1.6.1] Theo quy định tại khoản 1 Điều 76 của Luật Đất đai năm 2013: Các trường hợp không được bồi thường về đất nhưng được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất bao gồm đất được Nhà nước giao không thu tiền sử dụng đất, trừ trường hợp đất nông nghiệp được Nhà nước giao cho hộ gia đình, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 54 của Luật Đất đai; đất được Nhà nước giao cho tổ chức thuộc trường hợp có thu tiền sử dụng đất nhưng được miễn tiền sử dụng đất; đất được Nhà nước cho thuê trả tiền thuê đất hàng năm; đất thuê trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê nhưng được miễn tiền thuê đất, trừ trường hợp hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất thuê do thực hiện chính sách đối với người có công với cách mạng; đất nông nghiệp thuộc quỹ đất công ích của xã, phường, thị trấn; đất nhận khoán để sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối.

[2.1.6.2] Theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất đã quy định: Đối tượng được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng là các trường hợp quy định tại Điều 76 của Luật Đất đai.

[2.1.6.3] Như vậy, trường hợp của bà Nguyễn Thị M1 khi thu hồi đất đã được bồi thường, hỗ trợ về đất nên không thuộc trường hợp được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại (bao gồm cả chi phí san lấp mặt bằng). Do đó, người khởi kiện yêu cầu bồi thường chi phí san lấp mặt bằng là không có căn cứ.

[2.1.6.4] Từ các lẽ trên, Ủy ban nhân dân huyện T bồi thường cho gia đình bà Nguyễn Thị M1 diện tích 200m² loại đất ONT và 2.363,1m² đất BHK là đúng quy định tại Điều 74, Điều 75, Điều 76, Điều 77 Luật Đất đai năm 2013. Ông Võ Tấn H yêu cầu UBND huyện T phải bồi thường toàn bộ diện tích 2.563,1m² đất ở (ONT) là không có căn cứ, không phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.1.7] Xét đối với các khoản bồi thường về nhà ở, công trình, vật kiến trúc, cây trồng, hoa màu và các khoản hỗ trợ, thấy rằng:

[2.1.7.1] Người khởi kiện cho rằng không tính tiền bồi thường công trình, kiến trúc xây dựng trên phần đất bị thu hồi mà UBND huyện T cho là xây dựng trên đất BHK. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1.7.2] Việc xây dựng công trình, vật kiến trúc trên đất BHK được xem là tài sản tạo lập trái với quy định của pháp luật theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Luật Đất đai năm 2013 nên không được tính toán bồi thường, chỉ được hỗ trợ theo quy định tại khoản 16 Điều 18 Quyết định số 75/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh Q.

[2.1.7.3] Dựa vào các Bảng tự kê khai đất đai và tài sản bị thiệt hại thuộc phạm vi thu hồi đất để thực hiện Dự án, các phiếu kiểm kê cây trồng, nhà, vật kiến trúc, mồ mả và tài sản khác và biên bản kiểm kê đất đai, tài sản bị thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất, B xác nhận năm xây dựng nhà, vật kiến trúc, công trình xây dựng khác và mồ mả của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân; các biên bản xác minh, kiểm tra khối lượng tài sản của hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng bởi dự án thể hiện hiện trạng trên thửa đất số 17 có nhiều nhà ở, công trình trên đất của các ông, bà không được xem xét bồi thường, hỗ trợ cụ thể như sau:

- Nhà cấp IVA và cấp IVC của ông Võ Tấn H được xác định xây dựng trên đất BHK vào năm 2011. Căn cứ khoản 16, Điều 18 Quyết định số 75/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh Q thì được tính hỗ trợ 40% giá trị nhà.

- Các căn nhà cấp IVC của bà Nguyễn Thị Kim N được xác định xây dựng trên đất BHK vào năm 2020 và 2021. Căn cứ khoản 16, Điều 18 Quyết định số 75/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh Q thì không được tính hỗ trợ.

- Nhà cấp IVC của ông Võ Tấn C và bà Ngô Thị Kim M được xác định xây dựng trên đất BHK vào năm 2021. Căn cứ khoản 16, Điều 18 Quyết định số 75/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh Q thì không được tính hỗ trợ.

- Nhà vệ sinh của ông Võ Tấn P4 đã được tính bồi thường, hỗ trợ và phê duyệt bổ sung tại Phương án đợt 9 tại Quyết định số 1739/QĐ-UBND ngày 27/3/2024 của UBND huyện T.

[2.1.7.4] Vì vậy việc bồi thường, hỗ trợ về nhà cửa, vật kiến trúc, cây trồng cho các hộ nêu trên đảm bảo theo Quyết định 46/2022/QĐ-UBND ngày 02/12/2022 của UBND tỉnh Q; Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Quyết định số 75/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh Q; Quyết định số 48/2022/QĐ-UBND ngày 13/12/2022 ban hành đơn giá cây trồng để thực hiện việc bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi trong năm 2023 thì gia đình bà M1 áp được bồi thường, hỗ trợ nhà, vật kiến trúc, công trình phục vụ đời sống, sản xuất và công trình khác và cây trồng tại các Mục II, III, IV Bảng tổng hợp giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư là đúng quy định pháp luật.

[2.1.8] Xét yêu cầu bố trí tái định cư, ông Võ Tấn H yêu cầu UBND huyện T phải bố trí đất tái định cư cho gia đình ông 05 lô đất tái định cư, thấy rằng:

[2.1.8.1] Trên cơ sở nội dung các quyết định thu hồi đất, quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư nêu trên, theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Quyết định số 75/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh Q và theo xác nhận của UBND xã N thì hộ chính (bà Nguyễn Thị M1 đã chết) và các người con của

bà M1 đã tách hộ (không có đăng ký thường trú trong hộ khẩu của bà M1) tại thời điểm ban hành Thông báo thu hồi đất. Đối chiếu với quy định tại khoản 4 Điều 20 Quyết định số 75/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh Q thì không đủ điều kiện tách hộ (hộ phụ) để xem xét bố trí cấp đất tái định cư.

[2.1.8.2] Do đó, gia đình bà Nguyễn Thị M1 được giao 01 lô đất tái định cư có ký hiệu TDC3:11, diện tích 299,8m² với mức giá 400.000 đồng/m² là đúng quy định và đảm bảo đầy đủ quyền lợi.

[2.1.9] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng việc ông Võ Tấn H yêu cầu Tòa án: Hủy Quyết định số 9172/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 của UBND huyện T về việc thu hồi đất của bà Nguyễn Thị M1 (chết), ông Võ Văn P3, ông Võ Tấn H, ông Võ Tấn C kê khai để thực hiện Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi - H, đoạn qua tỉnh Quảng Ngãi thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc-Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025 và Quyết định số 9458/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND huyện T về việc bồi thường, hỗ trợ (đợt 8) và tái định cư (đợt 4) chi tiết cho bà Nguyễn Thị M1 (chết), ông Võ Văn P3, ông Võ Tấn H, ông Võ Tấn C và bà Võ Thị T1 để thực hiện Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi - H, đoạn qua tỉnh Quảng Ngãi thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025 là không có căn cứ để chấp nhận.

[2.2] Xét nội dung Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông Võ Tấn H về việc yêu cầu hủy Quyết định số 949/QĐ-UBND ngày 27/02/2024 về việc cưỡng chế thu hồi đất và Quyết định số 3054/QĐ-UBND ngày 31/5/2024 của Chủ tịch UBND huyện T về việc điều chỉnh thời gian quyết định cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ bà Nguyễn Thị M1; thấy rằng:

[2.2.1] Ngày 23/12/2023, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện T phối hợp với UBND xã N và hộ dân có đất bị thu hồi để chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ thực hiện Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi - H thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn năm 2021 - 2025.

[2.2.2] Ngày 26/01/2024 và ngày 24/02/2024, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện T vận động hộ gia đình bà Nguyễn Thị M1 để nhận tiền bồi thường, hỗ trợ, thu dọn tài sản, bàn giao diện tích đất thu hồi để thực hiện Dự án nêu trên nhưng hộ bà M1 vẫn không thống nhất nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và không thống nhất bàn giao mặt bằng.

[2.2.3] Ngày 29/01/2024, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện T đã có Tờ trình số 63/TTr-TTPTQĐ về việc áp dụng biện pháp cưỡng chế thu hồi đất đối với gia đình bà Nguyễn Thị M1. Cùng ngày, UBND xã N có Báo cáo số 34/BC-

UBND về việc vận động các hộ gia đình, cá nhân nhận tiền bồi thường, hỗ trợ để bàn giao mặt bằng thực hiện dự án.

[2.2.4] Trên cơ sở báo cáo của UBND xã N, tờ trình của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện T. Ngày 27/02/2024, Chủ tịch UBND huyện T đã ban hành Quyết định số 949/QĐ-UBND về cưỡng chế thu hồi đất đối với bà Nguyễn Thị M1 (chết), ông Võ Văn P3, ông Võ Tấn H, ông Võ Tấn C.

[2.2.5] Ngày 28/02/2024, UBND xã N niêm yết Quyết định số 949/QĐ-UBND về cưỡng chế thu hồi đất tại trụ sở UBND xã, Nhà văn hóa thôn A2, xã N và bàn giao quyết định này cho đại diện hộ gia đình bà Nguyễn Thị M1 tại nhà ông Võ Văn P3.

[2.2.6] Ngày 31/5/2024, Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số 3054/QĐ-UBND về việc điều chỉnh thời gian cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ bà Nguyễn Thị M1.

[2.2.7] Như vậy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T đã ban hành Quyết định số 949/QĐ-UBND ngày 27/02/2024 về cưỡng chế thu hồi đất đối với bà Nguyễn Thị M1 (chết), ông Võ Văn P3, ông Võ Tấn H, ông Võ Tấn C và Quyết định số 3054/QĐ-UBND về việc điều chỉnh thời gian cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ bà Nguyễn Thị M1 là đúng quy định tại Điều 71 Luật Đất đai. Ông Võ Tấn H khởi kiện yêu cầu hủy các quyết định này là không có căn cứ.

[2.3] Đối với nội dung Tòa án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông Võ Tấn H yêu cầu hủy Quyết định số 3063/QĐ-UBND ngày 31/5/2024 của Chủ tịch UBND huyện T về việc giải quyết khiếu nại của ông Võ Tấn H, thấy rằng:

[2.3.1] Về trình tự, thủ tục ban hành:

[2.3.1.1] Ông Võ Tấn H (đại diện cho gia đình bà Nguyễn Thị M1) không đồng ý với quyết định thu hồi đất, quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trên cho gia đình bà M1 nên ngày 18/01/2024 ông gửi đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện T.

[2.3.1.2] Ngày 26/3/2024, Chủ tịch UBND huyện T ban hành Thông báo số 222/TB-UBND về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Võ Tấn Huỳnh. Ngày 31/5/2024, Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số 3063/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Võ Tấn H là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 18 Luật Khiếu nại năm 2011, Điều 29 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015.

[2.3.1.3] Sau khi thụ lý đơn khiếu nại, Tổ xác minh nội dung khiếu nại tiến hành thẩm tra, xác minh, báo cáo nội dung xác minh và tổ chức đối thoại với người khiếu nại nhưng không thành. Do đó, Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định giải quyết nại lần đầu số 3063/QĐ-UBND ngày 31/5/2024 là đúng

trình tự, thủ tục quy định tại Điều 27, Điều 29, Điều 30 và Điều 31 Luật Khiếu nại năm 2011; các Điều 7, 10, 12, 18, 21 và Điều 22 Thông tư số 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ; Điều 1 Thông tư số 02/2016/TT-TTCT ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013; Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại. Tuy nhiên, về thời hạn giải quyết khiếu nại theo quy định tại Điều 28 Luật Khiếu nại là chậm 20 ngày (thụ lý từ ngày 26/3/2024 đến ngày 31/5/2024 mới giải quyết khiếu nại).

[2.3.2] Về nội dung: Như đã phân tích nêu trên, các quyết định hành chính về việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho gia đình bà Nguyễn Thị M1 tại thửa đất số 17, tờ bản đồ số 17, xã N (nay xã N) là đúng quy định của pháp luật nên nội dung giải quyết khiếu nại của Quyết định số 3063/QĐ-UBND ngày 31/5/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T có căn cứ.

[2.3.3] Do đó, ông Võ Tấn H yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 3063/QĐ-UBND ngày 31/5/2024 của Chủ tịch UBND huyện T về việc giải quyết khiếu nại của ông Võ Tấn H là không có căn cứ để chấp nhận.

[2.4] Từ nhận định tại các mục [2.1], [2.2] và [2.3] nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Võ Tấn H là có căn cứ, đúng pháp luật. Ông Võ Tấn H kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm để giao hồ sơ về Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án nhưng không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ mới, khác làm căn cứ cho kháng cáo của mình. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Võ Tấn H, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[3] Ý kiến của đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tại phiên tòa có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người khởi kiện ông Võ Tấn H phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính;

Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Võ Tấn H và giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 33/2025/HC-ST ngày 07 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 115, khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1, khoản 1 Điều 143, Điều 144, khoản 2 Điều 173, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 204, Điều 206, khoản 1 Điều 348, Điều 358 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 62, Điều 63, Điều 66, Điều 67, Điều 69, Điều 74, Điều 75, Điều 76, Điều 77, Điều 79, Điều 89, Điều 92, Điều 100, Điều 114 Luật Đất đai năm 2013; Điều 18, Điều 27, Điều 28, Điều 29, Điều 30, Điều 31 Luật Khiếu nại năm 2011;

Căn cứ các Điều 7, 10, 12, 18, 21 và Điều 22 Thông tư số 07/2013/TT-TTCTP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ; khoản 1 Điều 3, điểm a khoản 1 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Quyết định số 75/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh Q; Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của UBND tỉnh Q; Quyết định số 213/QĐ-UBND ngày 29/3/2023 của UBND tỉnh Q; Quyết định số 46/2022/QĐ-UBND ngày 02/12/2022 của UBND tỉnh Q;

Tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Võ Tấn H về việc yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 9172/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 của UBND huyện T về việc thu hồi đất của bà Nguyễn Thị M1 (chết), ông Võ Văn P3, ông Võ Tấn H, ông Võ Tấn C kê khai để thực hiện Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi - H, đoạn qua tỉnh Quảng Ngãi thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc-Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025.

- Hủy Quyết định số 9458/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND huyện T về việc bồi thường, hỗ trợ (đợt 8) và tái định cư (đợt 4) chi tiết cho bà Nguyễn Thị M1 (chết), ông Võ Văn P3, ông Võ Tấn H, ông Võ Tấn C và bà Võ Thị T1 để thực hiện Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi - H, đoạn qua tỉnh Quảng Ngãi thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025.

- Hủy Quyết định số 949/QĐ-UBND ngày 27/02/2024 của Chủ tịch UBND huyện T về việc cưỡng chế thu hồi đất cho bà Nguyễn Thị M1 (chết), ông Võ Văn P3, ông Võ Tấn H, ông Võ Tấn C để thực hiện Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi - H, đoạn qua tỉnh Quảng Ngãi thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025.

- Hủy Quyết định số 3054/QĐ-UBND ngày 31/5/2024 của Chủ tịch UBND huyện T về việc điều chỉnh thời gian quyết định cưỡng chế thu hồi đất của bà Nguyễn Thị M1 (chết), ông Võ Văn P3, ông Võ Tấn H, ông Võ Tấn C tại Quyết định số 949/QĐ-UBND ngày 27/02/2024 của Chủ tịch UBND huyện T.

- Hủy Quyết định số 3063/QĐ-UBND ngày 31/5/2024 của Chủ tịch UBND huyện T về việc giải quyết khiếu nại của ông Võ Tấn Huỳnh .

3. Về án phí phúc thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Ông Võ Tấn H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông Võ Tấn H đã nộp (do ông Võ Văn P3 nộp thay) tại Biên lai số 0001199 ngày 29/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- Viện CT&KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Anh Dũng